TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SÔNG HINH** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST
Ngày 13-01-2023
"V/v Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG HINH, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Bàn Thị Tiên

Các hội thẩm nhân dân: Ông Ksor Y Thư và ông Niê Y Ling (Ma Bin).

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Kim Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân (TAND) huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Hinh tham gia phiên tòa:* Bà Bàn Thị Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở TAND huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên. TAND huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 68/2022/TLST-HNGĐ, ngày 04/7/2022 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/12/2022, Quyết định hoãn phiên toà số 08/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29/12/2022 và Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 01/2023/QĐ-CA ngày 10/01/2023 của TAND huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện S, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Giáp Thị Huyền Tr, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện S, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt không có lý do.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Bà Đinh Thị Nh, sinh năm 1967; địa chỉ: 05/5c T, phường B, Tp T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Ngọc M (sau đây gọi tắt là nguyên đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Nguyên đơn và bà Giáp Thị Huyền Tr (viết tắt là bị đơn) tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào ngày 09/01/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Đức Bình Tây, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú

Yên. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc nhưng thời gian nguyên đơn thường xuyên đi làm xa để kiếm tiền nuôi vợ con, bị đơn ở nhà liên tục vay nóng số tiền lớn để tiêu xài cá nhân mà không nói cho nguyên đơn biết, đến khi có người đến nhà đòi nợ nguyên đơn mới biết. Sau khi biết được việc bị đơn vay tiền thì vợ chồng thường xuyên cãi nhau về tiền bạc, nhiều lần tự hoà giải tìm cách giải quyết nhưng không được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hiện nay bị đơn đã bỏ nhà đi đâu không rõ từ tháng 4/2022 đến nay không liên lạc về nhà, không quan tâm đến chồng con, nguyên đơn cảm thấy không còn tình cảm với bị đơn nên xin ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Có 02 con chung: Nguyễn Ngọc Lâm T, sinh ngày 17/8/2013 và Nguyễn Ngọc Minh Kh, sinh ngày 14/3/2018. Khi ly hôn nguyên đơn cũng có mong muốn được nuôi dưỡng cả hai con chung nhưng cháu Tuyền có nguyện vọng sống với bà ngoại Định Thị Nh nên nguyên đơn cũng chấp nhận theo nguyện vọng cháu T, hoặc tuỳ Toà xem xét giải quyết giao cháu cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng thì nguyên đơn sẽ nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không đến Tòa để giải quyết và cũng không có văn bản trình bày ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn. Tòa án thực hiện đầy đủ thủ tục theo pháp luật thông báo cho bị đơn nhưng không có kết quả. Toà lập biên bản hòa giải không được và đưa vụ án ra xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị Nhị trình bày: Bà Nh là mẹ ruột của bị đơn, bà đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu ngoại Nguyễn Ngọc Lâm T là con của nguyên đơn và bị đơn từ nhỏ đến nay, thời gian bà trực tiếp nuôi dưỡng cháu thì cháu vẫn đi học ổn định, cháu rất quý mến bà và cháu cũng có nguyện vọng được sống với bà nên bà mong muốn khi cha mẹ cháu ly hôn bà tiếp tục nuôi dưỡng cháu, nay cha mẹ cháu ly hôn bà không yêu cầu trả khoản tiền chi phí nuôi dưỡng và cũng không yêu cầu cấp dưỡng gì thêm.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, con chung, tài sản chung; bị đơn vắng mặt không có lý do, người liên quan vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện Sông Hinh phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý vụ án, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia phiên tòa và phiên tòa diễn ra đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Về con chung: Đề nghị giao con chung Nguyễn Ngọc Lâm T và Nguyễn Ngọc Minh Kh cho nguyên đơn nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết. Về án phí, lệ phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua kiểm tra các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn với bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ là ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Nguyên đơn cung cấp địa chỉ cư trú cuối cùng của bị đơn tại: Thôn T, xã E, huyện S, tỉnh Phú Yên, theo quy định khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, TAND huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 nhưng đã được Tòa án thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết hợp lệ theo đúng quy định pháp luật, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là có căn cứ.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Nguyên đơn, bị đơn tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đức Bình Tây, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 04 quyển II/2013, ngày 09/01/2013 nên xác định quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Tòa án đã thông báo, triệu tập hai bên đến Tòa để giải quyết vụ án nhưng bị đơn không đến và cũng không có văn bản trình bày ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn. Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu ly hôn và cho rằng bị đơn vay tiền lãi nóng với số tiền lớn không thông qua nguyên đơn, từ đó vợ chồng hay mâu thuẫn, đã tự hoà giải tìm cách giải quyết nhưng không được và bị đơn cũng đã bỏ nhà đi đâu không rõ từ tháng 4/2022 đến nay không liên lạc với nguyên đơn, không quan tâm đến chồng con, nguyên đơn cảm thấy không còn tình cảm với bị đơn nên xin ly hôn. Tại biên bản xác minh ngày 20/10/2022 chính quyền địa phương cũng xác định bị đơn có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã E, huyện S, hiện không có mặt tại địa phương, đã bỏ đi khỏi địa phương từ thời điểm nào không rõ và cũng không rõ khi nào trở về. Việc bị đơn bỏ đi khỏi địa phương, không sống chung với nguyên đơn, không quan tâm, liên lạc với chồng, con đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình:

"**Tình nghĩa vợ chồng**:

1. Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thuỷ, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thoả thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham

gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và lý do chính đáng khác.".

Xét quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên HĐXX căn cứ theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ.

[4] Về con chung:

Nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung: Nguyễn Ngọc Lâm T, sinh ngày 17/8/2013 và Nguyễn Ngọc Minh Kh, sinh ngày 14/3/2018. Khi ly hôn nguyên đơn có nguyện vọng nuôi dưỡng hai con chung, nhưng cháu T có nguyện vọng ở với bà ngoại nên tuỳ Toà giải quyết giao cho bà ngoại hay giao cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng đều thống nhất. Xét điều kiện hoàn cảnh của nguyên đơn hiện đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Minh Kh. Riêng cháu Nguyễn Ngọc Lâm T đang sống với bà ngoại từ nhỏ, có nguyện vọng tiếp tục sống với bà ngoại; bà ngoại Đinh Thị Nh cũng có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng cháu T nhưng việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau ly hôn là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ. Do đó, nguyện vọng của cháu T và bà Đinh Thị Nh tiếp tục nuôi dưỡng cháu T khi cha mẹ ly hôn là không đúng quy định pháp luật. Bị đơn là mẹ nhưng đã bỏ nhà đi không rõ khi nào trở về. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao hai con chung Nguyễn Ngọc Lâm T và Nguyễn Ngọc Minh Kh cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Đối với khoản tiền chi phí nuôi dưỡng cháu T từ nhỏ đến nay bà Đinh Thị Nh không yêu cầu gì nên không xem xét.

[7] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[8] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn tự nguyện chịu 4.533.000đ chi phí đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, nguyên đơn đã thi hành xong.

[9] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Ngọc M.

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Nguyễn Ngọc M được ly hôn bị đơn Giáp Thị Huyền Tr.

Về con chung: Giao con chung Nguyễn Ngọc Lâm T, sinh ngày 17/8/2013 và Nguyễn Ngọc Minh Kh, sinh ngày 14/3/2018 cho nguyên đơn Nguyễn Ngọc M trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Bị đơn Giáp Thị Huyền Tr có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn Nguyễn Ngọc M tự nguyện chịu 4.533.000đ (bốn triệu năm trăm ba mươi ba nghìn đồng) chi phí đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, nguyên đơn đã thi hành xong.

Về án phí: Nguyên đơn Nguyễn Ngọc M phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại biên lai thu số 0001193 ngày 01/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên, nguyên đơn đã thi hành xong.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ((mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Sông Hinh;
- CCTHADS huyện Sông Hinh;
- UBND Đức Bình Tây;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

BÀN THỊ TIÊN

HỘI THẨM NHÂN DÂN

NGUYỄN THỊ ÁI LIÊN

HUỲNH THỊ THU SƯƠNG

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

BÙI CHÂU KHA